TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THUỶ** **TỈNH PHÚ THO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19/7/2019
V/Vtranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N THANH THU□, T□NH PH□ TH□

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST- HNGĐ ngày 24/4/2019 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 03/7/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tuyết L**, sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu 7 xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Phương Văn T**, sinh năm 1988 (Vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: Khu 7 xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2018, bản tự khai ngày 26/4/2019 chị Nguyễn Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết L kết hôn với anh Phương Văn T ngày 28/10/2016. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh T có đăng ký hộ khẩu và cùng chị chung sống tại khu 7 xã S, tình cảm vợ chồng hòa thuận, không xích mích mâu thuẫn. Đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc nợ nần, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và anh T đã nhiều lần đánh đập chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Sau nhiều lần sô xát, đến tháng 7 năm 2018 chị đã chuyển ra ngoài sống riêng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phương Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Phương Ngọc B, sinh ngày 2x/5/2017. Hiện nay hai cháu B đang ở với chị L, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu B và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Tuyết L không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019, ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1963 bố đẻ chị L trình bày:

Chị Nguyễn Tuyết L là con gái ông. Ngày 28/10/2016 chị L kết hôn với anh Phương Văn T. Sau khi kết hôn, chị L và anh T có đăng ký hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại khu 7 xã S, huyện Thanh Thủy. Vợ chồng anh chị L T chung sống không hạnh phúc, luôn mâu thuẫn, lý do là anh T không tập trung làm ăn, ham chơi bời rượu chè, cờ bạc nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng. Gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, sửa chữa. Đến cuối năm 2018 anh T bỏ đi làm dưới Hà Nội, thi thoảng có về thăm vợ con nhưng không cấp tiền cho vợ nuôi con. Hiện nay chị L và con đang sinh sống làm ăn tại xã S, huyện Thanh Thủy. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị không còn, không thể đoàn tụ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh T theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị L anh T có một con là cháu Phương Ngọc B, sinh năm 2017, hiện đang ở với chị L. Tài sản chung, nợ chung anh chị không có gì.

Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2019 ông Nguyễn Văn C trưởng khu hành chính khu 7 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết. Vợ chồng anh T chị L quá trình chung sống tại khu 7 xã S, huyện Thanh Thủy phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và khu dân cư hòa giải nhưng vợ chồng anh chị vẫn không đoàn tụ được. Sau đó anh T đi làm ăn dưới Hà Nội, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, nhưng vợ chồng vẫn không thể hạnh phúc được. Chị Nguyễn Tuyết L cùng con nhỏ sinh sống tại địa phương. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy giải quyết vụ án ly hôn của chị Nguyễn Tuyết L và anh Phương Văn T theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2019 bà Nguyễn Thị Minh P - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cho Tòa án biết:

Chị Nguyễn Tuyết L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phương Văn T, quan điểm của hội phụ nữ xã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, đặc biệt là quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩn phán tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập đương sự đến Tòa án giải quyết, điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự và đã

thực hiện đấy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự

Bị đơn đã không chấp hành, thực hiện về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 – Bộ luật tố tụng Dân sự

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết L về việc xin ly hôn anh Phương Văn T. Xử cho chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn với anh Phương Văn T.

Về con chung của vợ chồng là: cháu Phương Ngọc B, sinh ngày 2x/5/2017 hiện cháu Bích đang ở với chị L. Khi ly hôn giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bích đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị Nguyễn Tuyết L chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp, bản tự khai tại Tòa án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phương Văn T là bị đơn trong vụ án hôn nhân gia đình, sau khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết L về việc xin ly hôn với anh Phương Văn T. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã thụ lý vụ án và triệu tập chị L, anh T đến Tòa án để giải quyết, chị L đã chấp hành, anh T không chấp hành. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt không có lý do của anh T tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Như vậy, vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật, thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng nơi anh T có hộ khẩu thường trú tại khu 7 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án thể hiện tại các biên bản giao nhận, biên bản niêm yết có lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khác. Căn cứ Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết L và anh Phương Văn T kết hôn năm 2016. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, anh T không cùng chị làm ăn để làm ăn xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình và

nuôi dạy con chung, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không nghe, anh T đã có hành vi bạo hành với chị.

Tuy nhiên, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng vợ chồng anh chị không hàn gắn tình cảm với nhau được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay không còn quan tâm gì đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Tuyết L xin được ly hôn với anh Phương Văn T.

Về phía anh Phương Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến giải quyết nhưng anh T đều vắng mặt không lý do đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành lập biên bản, niêm yết các văn bản tố tụng nơi anh T sinh sống theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn cố tình vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b, Khoản 2 Điều 227- BLTTDS. Tòa án vẫn tiến hành xét xử bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Tuyết L vẫn cương quyết xin ly hôn anh Phương Văn T. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị L và xử cho chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn anh Phương Văn T là phù hợp với luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn anh Phương Văn T.

[3] Về con chung**:** Chị Nguyễn Tuyết L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phương Ngọc B, sinh ngày 2x/5/2017, hiện nay cháu B còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Để bảo đảm quyền lợi của cháu B, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, HĐXX cần giao cháu B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L có mặt không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Tuy nhiên đây mới là chứng cứ của chị L đưa ra, nếu sau này anh T có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết L về việc xin ly hôn anh Phương Văn T.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn anh Phương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phương Ngọc B, sinh ngày 2x/5/2017 cho chị Nguyễn Tuyết L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001532 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; điều 7; điều 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Thuỷ, Tỉnh
- THADS huyện Thanh Thuỷ
- UBND xã S
- Các đương sự
- Lưu hồ sư, vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khoa Hương